

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 53
8. Phụ lục	54 - 59

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84 – 8) 35 147 340
- Fax : (84 – 8) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 – Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 03, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Linh Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	294 Ông Ích Khiêm, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận	215B Thủ Khoa Huân, phường Phú Thù, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP.Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ	78 A1, Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tây, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Quang Sáng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2015

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013
Bà Bùi Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Kim Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Đinh Hồng Tiến	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Võ Đình Hùng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
Ông Đặng Thanh Phước	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Xuân Trinh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013).

3014466
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHONG PHÚ
T. PHỐ CỬ

449815-
TỔNG CÔNG TY
PHONG PHÚ
HỮU NGHỊ
HỢP TÁC VÀ TƯ VẤN
& C
T. PHỐ CỬ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ông Phạm Xuân Trinh đã ủy quyền cho Bà Bùi Thị Thu – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 298/UQ-PP ngày 20 tháng 3 năm 2015.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *lnl*



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016



Số: 0827/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 05 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Lý Quốc Trung**
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.007.015.161.721	2.331.087.236.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.969.780.161	110.201.205.897
1. Tiền	111		64.969.780.161	103.301.205.897
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	60.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.251.571.232.998	1.469.876.334.560
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	643.443.635.159	853.285.145.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	162.572.592.692	166.304.967.363
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	182.868.708.302	132.468.708.302
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	295.094.427.139	349.953.930.554
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(32.601.016.048)	(32.502.460.134)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		192.885.754	366.042.924
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	651.200.301.185	688.759.037.226
1. Hàng tồn kho	141		673.511.104.055	709.160.281.601
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.310.802.870)	(20.401.244.375)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.273.847.377	57.190.658.332
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.050.027.420	7.143.138.862
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.704.520.791	49.658.221.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	519.299.166	389.297.967
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.352.660.477.343	2.256.746.204.667
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		390.182.345.387	459.147.526.103
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	4.800.000.000	4.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	385.382.345.387	454.347.526.103
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		977.584.930.570	1.068.227.485.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	935.539.405.593	1.023.423.577.356
- Nguyên giá	222		2.387.810.817.706	2.436.615.716.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.452.271.412.113)	(1.413.192.139.267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	41.989.969.416	44.530.894.014
- Nguyên giá	225		52.666.012.068	52.666.012.068
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.676.042.652)	(8.135.118.054)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	55.555.561	273.013.890
- Nguyên giá	228		309.000.000	530.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(253.444.439)	(257.236.110)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	14.114.110.356	14.355.377.202
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(361.900.269)	(120.633.423)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		244.602.391.020	128.095.893.635
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	244.602.391.020	128.095.893.635
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		707.434.307.731	565.220.253.710
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	557.129.776.676	414.548.483.523
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	181.378.535.544	181.405.535.544
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(31.074.004.489)	(30.733.765.357)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.742.392.279	21.699.668.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	15.459.411.782	15.878.267.779
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	124.946.874	171.165.692
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	3.158.033.623	5.650.235.286
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.359.675.639.064	4.587.833.440.682

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.798.121.634.809	3.137.503.621.801
I. Nợ ngắn hạn	310		1.478.164.490.654	1.938.265.379.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	199.941.240.668	237.406.625.656
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	22.467.068.415	27.104.626.093
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	18.994.219.800	17.598.605.354
4. Phải trả người lao động	314	V.20	54.459.091.809	120.108.922.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	10.880.804.916	6.795.950.599
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		152.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	79.498.345.403	82.043.227.070
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	1.081.827.678.798	1.439.234.048.942
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	2.157.715.946	4.717.381.547
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	7.786.324.899	3.255.991.524
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.319.957.144.155	1.199.238.242.588
1. Phải trả người bán dài hạn	331		18.726.108.292	18.726.108.292
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	9.776.000.000	9.872.072.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	1.291.455.035.863	1.170.640.062.296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.561.554.004.255	1.450.329.818.881
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.561.554.004.255	1.450.329.818.881
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	35.309.411.225	35.748.305.345
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.26	-	(692.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	308.988.929.341	288.919.072.835
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.26	381.828.119	381.828.119
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	352.003.497.697	279.535.547.106
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92.430.315.368	279.535.547.106
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		259.573.182.329	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	131.364.527.873	112.931.755.476
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.359.675.639.064	4.587.833.440.682

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.522.688.838.599	1.857.240.461.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	50.456.775	578.701.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.522.638.381.824	1.856.661.759.799
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.295.134.502.447	1.633.421.256.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		227.503.879.377	223.240.503.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	39.523.552.099	26.593.556.770
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	67.383.725.456	82.802.139.385
Trong đó: chi phí lãi vay	23		58.984.636.897	64.265.038.103
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		134.855.452.885	107.613.679.031
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	46.223.835.878	44.701.063.089
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	72.943.824.722	75.879.914.769
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		215.331.498.306	154.064.621.844
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7.027.714.174	2.813.198.793
13. Chi phí khác	32	VI.9	42.482.883	12.300.461.937
14. Lợi nhuận khác	40		6.985.231.291	(9.487.263.144)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		222.316.729.597	144.577.358.700
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	738.205.572	5.774.955.693
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	46.218.818	(51.731.296)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		221.532.305.207	138.854.134.303
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		222.175.918.493	138.399.627.574
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(643.613.286)	454.506.729
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.896	1.756
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.896	1.756



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởngBùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		222.316.729.597	144.577.358.700
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.13, V.16	72.842.666.566	75.867.364.626
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	3.624.752.648	(3.859.624.027)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(1.199.458.642)	12.020.688.424
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(171.946.284.876)	(128.647.572.081)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	58.984.636.897	64.265.038.103
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		184.623.042.189	164.223.253.746
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		68.119.079.373	76.279.784.413
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.253.697.372	(72.457.716.400)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(82.985.823.884)	(12.580.109.828)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(668.369.302)	(2.056.761.457)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		60.000.000	10.245.333.720
- Tiền lãi vay đã trả	14		(71.343.030.666)	(46.973.468.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(839.174.608)	(6.470.905.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	819.712.815
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25	(10.783.968.764)	(9.903.850.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		104.435.451.710	101.125.273.390
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.14, VII	(156.310.008.333)	(46.887.606.059)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	5.793.774.976	7.930.398.407
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.600.000.000	15.045.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.101.984.873	1.023.215.095
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		198.810.493.054	161.587.866.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		114.996.244.570	118.698.874.050

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	2.320.919.963.550	2.131.211.445.322
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(2.477.146.369.328)	(2.264.267.531.100)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.23	(2.126.509.199)	(1.498.676.200)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22, V.26	(106.305.538.372)	(78.959.588.160)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(264.658.453.349)</i>	<i>(213.514.350.138)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(45.226.757.069)	6.309.797.302
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	110.201.205.897	56.236.462.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.668.666)	129.085.203
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>64.969.780.161</u>	<u>62.675.345.398</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu kỳ này của Tổng Công ty giảm so với kỳ trước là do tình hình thị trường có nhiều biến động. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị và kiểm soát hiệu quả các chi phí nên lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tổng công ty tăng 20 tỷ VND so với kỳ trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái đầu tư nhưng không mất quyền kiểm soát

Ngày 22 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã bán 4.000.000 cổ phần tại Công ty cổ phần dệt may Nha Trang, giảm tỷ lệ vốn góp tại công ty con này xuống còn 51,97% từ ngày này. Giá chuyển nhượng phần vốn này là 50.800.000.000 VND và được thu bằng tiền.

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 26 tháng 02 năm 2016, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 520.000 cổ phần tại Công ty cổ phần may Gia Phúc. Do chỉ còn nắm giữ 25% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú huy động bổ sung vốn góp. Do chỉ còn nắm giữ 31,58% quyền biểu quyết nên khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	60,99%	60,99%	60,99%	60,99%
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	51,97%	73,59%	51,97%	73,59%
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	Đường số 3, lô B, Khu công nghiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng	Sản xuất vải dệt thoi, nhuộm sợi, nhuộm và hoàn tất vải	60,74%	60,74%	60,74%	60,74%
Công ty TNHH Linen Supply Services	Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất các sản phẩm may mặc	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	17 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản	35,63%	35,63%	68,56%	68,56%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại	26,93%	26,93%	26,93%	26,93%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, kinh doanh bất động sản	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	Lầu 7, số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh du lịch, lương thực thực phẩm, khai thác khoáng sản, máy móc thiết bị, vật liệu	22,10%	22,10%	22,10%	22,10%
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,58%	38,72%	31,58%	68,56%
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Thôn Phú Hải 2, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh tổng hợp, trồng và chăm sóc rừng, các dịch vụ du lịch, kinh doanh vật liệu xây dựng.	37,63%	37,63%	37,63%	37,63%
Công ty cổ phần may Gia Phúc	48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và buôn bán hàng may mặc	25,00%	-	25,00%	-

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 4.390 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 5.862 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 02 năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà chung cư thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

20. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

21. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19874
CÔNG TY
HỮU
HỮU VÀ T
& C
PHỐ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.519.924.692	1.110.001.587
Tiền gửi ngân hàng	60.449.855.469	102.191.204.310
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	6.900.000.000
Cộng	<u>64.969.780.161</u>	<u>110.201.205.897</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	172.311.823.228	257.565.461.806	85.253.638.578	38.689.510.807	123.943.149.385
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	1.059.199.505	51.691.941.450	50.632.741.945	1.045.878.065	51.678.620.010
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	215.301.273	10.215.301.273	10.000.000.000	1.342.184.990	11.342.184.990
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	(1.756.804.357)	5.012.811.643	6.769.616.000	(1.558.917.106)	5.210.698.894
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức ⁽¹⁾	12.171.270.094	1.012.325.621	13.183.595.715	12.171.270.094	1.068.630.024	13.239.900.118
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	36.000.000.000	2.417.265.924	38.417.265.924	36.000.000.000	4.631.835.775	40.631.835.775

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	17.700.000.000	-	17.700.000.000	17.700.000.000	-	17.700.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức ⁽ⁱⁱ⁾	144.586.200.608	(545.656.596)	144.040.544.012	144.586.200.608	(545.656.596)	144.040.544.012
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(537.649.660)	6.761.550.340	7.299.200.000	(537.649.660)	6.761.550.340
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.469.800.129	4.071.504.384	12.541.304.513	-	-	-
Công ty cổ phần may Gia Phúc ^(iv)	5.200.000.000	(5.200.000.000)	-	-	-	-
Cộng	384.082.467.354	173.047.309.322	557.129.776.676	370.412.667.225	44.135.816.299	414.548.483.523

- (i) Tổng Công ty đã ký Hợp đồng ngày 05 tháng 5 năm 2015 chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH xây dựng Phong Đức với thời gian thực hiện việc chuyển nhượng là 10 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2016.
- (ii) Tổng Công ty đã ký Hợp đồng ngày 28 tháng 10 năm 2014 chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức với thời gian thực hiện chuyển nhượng được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- (iii) Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú huy động bổ sung vốn góp. Do chỉ còn nắm giữ 31,58% quyền biểu quyết nên khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- (iv) Ngày 26 tháng 02 năm 2016 Tổng Công ty đã chuyển nhượng 520.000 cổ phần tại Công ty cổ phần may Gia Phúc. Do chỉ còn nắm giữ 25% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Tăng do chuyển từ đầu tư công ty con sang đầu tư vào công ty liên kết	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	123.943.149.385	-	133.771.260.555	(3.952.594.667)	3.803.646.533	257.565.461.806
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	51.678.620.010	-	25.086.481	-	(11.765.041)	51.691.941.450

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Tăng do chuyển từ đầu tư công ty con sang đầu tư vào công ty liên kết	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	11.342.184.990	-	(298.183.355)	(700.000.000)	(128.700.362)	10.215.301.273
Công ty cổ phần may Đà Lạt	5.210.698.894	-	378.107.235	(634.652.566)	58.658.080	5.012.811.643
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	13.239.900.118	-	(56.304.403)	-	-	13.183.595.715
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	40.631.835.775	-	1.425.916.758	(3.600.000.000)	(40.486.609)	38.417.265.924
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	17.700.000.000	-	-	-	-	17.700.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.040.544.012	-	-	-	-	144.040.544.012
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	6.761.550.340	-	-	-	-	6.761.550.340
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	-	14.759.087.501	(390.430.386)	-	(1.827.352.602)	12.541.304.513
Công ty cổ phần may Gia Phúc	-	-	-	-	-	-
Cộng	414.548.483.523	14.759.087.501	134.855.452.885	(8.887.247.233)	1.853.999.999	557.129.776.676

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán thành phẩm	148.372.345.354	129.535.802.523
Thu lợi nhuận được chia	3.952.594.667	37.883.078.906
Cung cấp dịch vụ	7.879.108.560	7.781.053.757
Mua nguyên liệu	51.447.110.400	46.857.349.800
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	25.768.044.103	16.295.300.612
Cung cấp dịch vụ	392.420.400	389.589.740
Trả tiền trước mua hàng hóa dịch vụ	45.000.000.000	-
Lãi cho vay	3.147.841.666	3.130.545.832
Lợi nhuận tạm ứng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	36.846.527.777	-
Thu hộ tiền cổ tức	-	66.667.000
Mua nguyên vật liệu	23.440.893.740	21.384.313.423
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	3.017.260.000	-
Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn		
Thu cổ tức	700.000.000	600.000.000
Công ty cổ phần may Đà Lạt		
Cổ tức được chia	634.652.566	423.101.710
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú		
Bán thành phẩm	76.950.913.344	110.369.434.517
Cung cấp dịch vụ	4.655.891.846	858.375.236
Chi phí lãi vay	774.881.728	902.933.440
Mua hàng	154.165.731.494	165.766.314.512
Mua dịch vụ	4.753.421.116	1.163.081.525
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.653.520	75.800.745
Lãi vay phải thu	122.597.222	104.923.612
Cho vay		500.000.000
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú		
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	8.652.346.804	-
Bán hàng	17.749.411.473	-
Công ty cổ phần may Gia Phúc		
Cho thuê mặt bằng	1.622.454.548	-
Cung cấp dịch vụ	1.233.015.372	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.318	(412.689.374)	5.852.355.318	(412.689.372)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(340.239.134)	2.984.184.383	-
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú ⁽ⁱ⁾	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	(63.840.180)	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần bông Tây Nguyên	266.915.000	-	266.915.000	-
Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	53.163.455.345	-	53.163.455.345	-
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Khác	-	-	27.000.000	-
Cộng	181.378.535.544	(3.910.077.859)	181.405.535.544	(3.569.838.723)

- (i) Tổng Công ty đã ký Hợp đồng ngày 25 tháng 12 năm 2014 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú, thời gian thực hiện được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Giá trị hợp lý

Các Công ty trong Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	30.733.765.357	26.676.784.159
Trích lập dự phòng bổ sung	340.239.132	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(55.722.351)
Giảm khác	-	(590.605.300)
Số cuối kỳ	31.074.004.489	26.030.456.508

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang với giá trị ghi sổ là 10.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần dệt may Nha Trang tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>223.892.825.968</i>	<i>200.710.757.181</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	60.462.851.746	75.510.512.428
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	48.674.432.952	57.514.995.089
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Daewon Thủ Đức	67.678.347.656	67.594.248.784
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	29.411.518.873	91.000.880
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	12.542.484.329	-
Công ty cổ phần may Gia Phúc	5.123.190.412	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>419.550.809.191</i>	<i>652.574.388.370</i>
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	110.629.753.768	110.629.753.768
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	68.969.385.720	91.652.764.666
Các khách hàng khác	239.951.669.703	450.291.869.936
Cộng	<u>643.443.635.159</u>	<u>853.285.145.551</u>

Khoản phải thu có giá trị tối thiểu 60 tỷ VND được dùng để đảm bảo khoản vay ngắn hạn của Công ty cổ phần dệt may Nha Trang tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>107.572.092.137</i>	<i>127.608.914.736</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	104.963.177.401	125.000.000.000
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>55.000.500.555</i>	<i>38.696.052.627</i>
Cộng	<u>162.572.592.692</u>	<u>166.304.967.363</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>171.800.000.000</i>	<i>108.800.000.000</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	169.300.000.000	106.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Deawon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.068.708.302</i>	<i>23.668.708.302</i>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may Việt Nam	6.500.000.000	17.500.000.000
Các tổ chức, cá nhân khác	4.568.708.302	6.168.708.302
Cộng	<u>182.868.708.302</u>	<u>132.468.708.302</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	128.098.364.541	(4.941.619.887)	239.904.110.847	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	161.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Lợi nhuận dự án hợp tác kinh doanh Đồng Mai	58.591.716.668	-	21.969.188.891	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	58.852.472.466	(4.578.096.526)	50.120.603.771	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền vi phạm hợp đồng	5.936.843.333	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	2.994.867.894	-	2.994.867.894	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu lợi nhuận hợp đồng 819	224.000.000	-	224.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Tiền phạt hợp đồng	-	-	2.919.583.333	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	798.464.180	(363.523.361)	675.866.958	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn - Cổ tức, lợi nhuận được chia	700.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	166.996.062.598	(4.542.551.090)	110.049.819.707	(4.722.266.077)
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	51.145.000.000	-	51.145.000.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	558.728.000	-	-	-
Phải thu lãi cho vay	7.858.542.317	-	11.402.603.685	-
Phải thu khoản ứng trước cho Ban quản lý dự án khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty cổ phần HUD Sơn Trà - Phải thu chuyển nhượng dự án hợp tác kinh doanh	54.655.996.716	-	-	-
Tạm ứng	6.901.697.656	-	11.695.504.760	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	28.232.913	-	28.232.913	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	26.847.864.996	(4.542.551.090)	16.778.478.349	(4.722.266.077)
Cộng	295.094.427.139	(9.484.170.977)	349.953.930.554	(4.722.266.077)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	381.191.338.792	-	450.847.335.508	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	4.191.006.595	-	3.500.190.595	-
Cộng	385.382.345.387	-	454.347.526.103	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	28.594.822.435	4.306.472.672	28.594.822.435	4.306.472.672
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng giao thông Hồng Lĩnh	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Công ty cổ phần dệt may Hapaco Hải Phòng - Phải thu tiền bán hàng	787.538.760	-	787.538.760	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.745.866.137	1.763.289.702	3.683.942.781	799.922.260
Cộng	38.670.778.422	6.069.762.374	37.608.855.066	5.106.394.932

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	32.502.460.134	32.834.868.876
Trích lập dự phòng bổ sung	98.555.914	29.690.700
Giảm do xóa nợ	-	(1.051.381.963)
Số cuối kỳ	32.601.016.048	31.813.177.613

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	558.531.810	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	101.181.275.527	(3.602.408.055)	171.286.635.478	(3.602.408.055)
Công cụ, dụng cụ	969.675.509	-	1.055.483.543	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	314.963.601.688	(1.287.478.358)	322.953.754.053	(2.385.462.310)
Thành phẩm	237.533.656.758	(17.240.123.164)	193.796.842.482	(14.232.580.717)
Hàng hóa	1.596.624.540	(13.613.077)	4.927.041.365	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	16.707.738.223	(167.180.216)	15.140.524.680	(167.180.216)
Cộng	673.511.104.055	(22.310.802.870)	709.160.281.601	(20.401.244.375)

Một số hàng tồn kho luân chuyển của Công ty cổ phần dệt may Nha Trang bao gồm thành phẩm, vật tư, phụ liệu,... được dùng để đảm bảo các khoản của Công ty cổ phần dệt may Nha Trang tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	20.401.244.375	10.386.305.019
Trích lập dự phòng bổ sung	3.185.957.602	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(30.498.655)
Giảm do thoái vốn	(1.276.399.107)	-
Số cuối kỳ	22.310.802.870	10.355.806.364

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	626.421.363	1.706.950.093
Chi phí đồng phục	445.242.998	1.273.869.685
Chi phí sửa chữa	1.824.439.110	1.238.921.135
Chi phí quảng cáo	169.696.973	424.242.425
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc	1.052.000.000	1.021.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	932.226.976	1.478.155.524
Cộng	5.050.027.420	7.143.138.862

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.108.384.769	6.525.070.435
Chi phí sửa chữa	506.822.149	6.030.866.112
Các chi phí trả trước dài hạn khác	12.844.204.864	3.322.331.232
Cộng	15.459.411.782	15.878.267.779

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 662.646.981.302 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	52.666.012.068	8.135.118.054	44.530.894.014
Khấu hao trong kỳ		2.540.924.598	
Số cuối kỳ	52.666.012.068	10.676.042.652	41.989.969.416

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trung (danh nghĩa).

12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	530.250.000	257.236.110	273.013.890
Giảm do thoái vốn	(221.250.000)	(20.458.333)	
Khấu hao trong kỳ		16.666.662	
Số cuối kỳ	309.000.000	253.444.439	55.555.561

13. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	14.476.010.625	120.633.423	14.355.377.202
Khấu hao trong kỳ		241.266.846	
Số cuối kỳ	14.476.010.625	361.900.269	14.114.110.356

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Giảm do thoái vốn tại công ty con	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	512.690.454	934.598.956	(1.069.598.956)	(159.147.454)	(218.543.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	127.583.203.181	140.769.027.953	(17.938.234.348)	(2.156.250.085)	(3.655.355.681)	244.602.391.020
Cộng	128.095.893.635	141.703.626.909	(19.007.833.304)	(2.315.397.539)	(3.873.898.681)	244.602.391.020

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

15a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	171.165.692	137.950.066
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(46.218.818)	51.731.296
Số cuối kỳ	124.946.874	189.681.362

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

15b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.111.343.391	7.991.456.939
Các chi phí phải trả	7.953.627.445	4.199.551.386
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.157.715.946	3.700.000.000
Các khoản khác	-	91.905.553
Lỗi tính thuế ⁽ⁱ⁾	30.923.597.429	193.327.424.599
Cộng	41.034.940.820	201.318.881.538

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm 23.599.643.726

Giảm do thoái vốn (1.660.079.228)

Số cuối kỳ 21.939.564.498

Số đã phân bổ

Số đầu năm 17.949.408.440

Phân bổ trong kỳ 832.122.435

Số cuối kỳ 18.781.530.875

Giá trị còn lại

Số đầu năm 5.650.235.286

Số cuối kỳ 3.158.033.623

17. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

17a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>95.246.076.537</i>	<i>63.823.680.082</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	27.085.988.591	26.922.365.623
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	60.157.898.396	36.901.314.459
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	8.002.189.550	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>104.695.164.131</i>	<i>173.582.945.574</i>
Cộng	199.941.240.668	237.406.625.656

17b. Phải trả người bán dài hạn

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Motives Ltd	-	5.779.780.280
Các khách hàng khác	12.504.490.515	11.362.267.913
Cộng	22.467.068.415	27.104.626.093

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Thoái vốn tại công ty con	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	177.509.366	165.657	7.399.309.894	(5.709.455.578)	-	1.867.198.025	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.287.290.790	(5.287.290.790)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.333.369	165.566.193	(152.398.535)	-	-	11.165.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	804.121.360	364.798.941	738.205.572	(839.174.608)	157.029.926	704.792.367	209.409.058

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Thoái vốn tại công ty con	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	8.495.570.334	-	6.437.290.368	(14.172.608.182)	(13.459.161)	1.045.517.756	298.724.397
Thuế tài nguyên	18.150.599	-	135.135.180	(135.123.300)	-	18.162.479	-
Thuế nhà đất	-	-	3.081.079.945	(1.774.965.423)	-	1.306.114.522	-
Tiền thuê đất	8.045.292.167	-	13.108.623.106	(7.101.480.622)	-	14.052.434.651	-
Các loại thuế khác	57.961.528	-	698.901.009	(755.784.034)	(1.078.503)	-	-
Cộng	17.598.605.354	389.297.967	37.051.402.057	(35.928.281.072)	142.492.262	18.994.219.800	519.299.166

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ: 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty cổ phần dệt may Nha Trang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước đầu tư dự án thuộc ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi và sử dụng nhiều lao động. Theo đó, Công ty cổ phần dệt may Nha Trang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% cho hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ năm 2007 đến năm 2016, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2013).
- Công ty TNHH Linen Supply nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% do có doanh thu bình quân của các tháng trong năm 2014 không vượt quá 1,67 tỷ đồng theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty TNHH Linen Supply được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	179.245.919	459.586.358
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	558.959.653	4.999.753.837
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	-	315.615.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	738.205.572	5.774.955.693

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm với mức 18.000.000 VND/tháng.

Tiền thuê đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.660.634.625	2.511.284.140
Chi phí hoa hồng	1.780.271.462	1.768.769.518
Chi phí nghỉ mát	1.540.900.000	-
Chi phí điện	62.430.482	1.642.391.976
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.836.568.347	873.504.965
Cộng	<u>10.880.804.916</u>	<u>6.795.950.599</u>

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>26.084.289.375</u>	<u>5.875.243.057</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	1.230.215.279	875.243.057
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả cổ tức	19.854.074.096	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>53.414.056.028</u>	<u>76.167.984.013</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.275.567.259	3.847.349.881
Lãi vay phải trả	14.697.025.758	15.866.057.703
Cổ tức phải trả	30.167.275.082	24.748.957.950
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.000.000	22.423.305.508
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.194.187.929	9.282.312.971
Cộng	<u>79.498.345.403</u>	<u>82.043.227.070</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	9.776.000.000	9.776.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Phước Long	5.226.000.000	5.226.000.000
- Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Tâm Trang	2.950.000.000	2.950.000.000
- Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	-	96.072.000
Cộng	9.776.000.000	9.872.072.000

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>26.500.000.000</i>	<i>37.500.000.000</i>
Tập đoàn dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	26.500.000.000	37.500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.055.327.678.798</i>	<i>1.401.734.048.942</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	1.035.016.565.490	1.261.507.155.312
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	63.858.982.077	278.792.811.161
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	82.965.396.406	72.080.025.030
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	174.196.493.749	196.746.542.744
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	602.236.048.936	643.782.786.663
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	16.567.274.910	5.855.200.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	62.694.487.360	43731369863
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	32.497.882.052	20.518.419.851
Vay ngắn hạn tổ chức khác	6.396.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	6.396.000.000	10.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	5.440.368.402
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	10.853.215.580	120.651.577.163
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	3.061.897.728	4.134.948.065
Cộng	1.081.827.678.798	1.439.234.048.942

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Tập đoàn dệt may Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Trong đó, số dư nợ vay của Công ty cổ phần dệt may Nha Trang tại các ngân hàng ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 335.338.143.928 VND được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho, khoản phải thu, cổ phiếu, tài sản cố định hữu hình và tín chấp (xem thuyết minh số V.2, V.3, V.8 và số V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ xem Phụ lục 2 đính kèm.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	181.645.524.665	376.881.514.074
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽ⁱ⁾	5.280.000.000	6.049.491.102
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	18.892.494.335	18.817.913.395
Ngân hàng phát triển Việt Nam	-	46.809.466.993
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	134.746.863.887	264.116.868.207
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	-	2.460.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	-	4.800.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ^(iv)	15.331.790.877	25.653.651.552
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín ^(v)	1.915.269.841	2.280.717.505
Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt	-	5.893.405.320
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ^(vi)	5.479.105.725	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	631.199.372.811	126.573.598.080
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ^(vii)	504.625.774.731	-
Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi ^(ix)	32.000.000.000	32.000.000.000
Onshine Investment Limited ^(ix)	70.331.598.080	70.331.598.080
Hirose Shokai Co., Ltd ^(viii)	24.242.000.000	24.242.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(ix)	159.730.168.330	161.185.987.108
Nợ thuê tài chính ^(x)	4.879.970.057	5.998.963.034
Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	3.919.350.295	4.525.338.825
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	960.619.762	1.473.624.209
Trái phiếu thường dài hạn ^(xi)	314.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	<u>1.291.455.035.863</u>	<u>1.170.640.062.296</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để đầu tư mua sắm tài sản cố định với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để mua máy móc thiết bị với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để phục vụ sản xuất kinh doanh, mua sắm tài sản cố định với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư tăng năng lực sản xuất sợi chỉ may với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín để đầu tư mở rộng nhà xưởng và mua hệ thống máy móc thiết bị kéo sợi PE với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án (xem thuyết minh số V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội để mua máy móc thiết bị cho dự án tăng năng suất dây chuyền nhuộm sợi. Thời hạn vay căn cứ vào nguồn thu, thời gian khấu hao của dự án vốn để xác định thời gian vay vốn phù hợp với thời gian khấu hao và phù hợp với dòng tiền của dự án nhưng thời gian cho vay tối đa không vượt quá 10 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (vii) Khoản vay Tập đoàn dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.10).
- (viii) Khoản vay tín chấp Hirose Shokai Co., Ltd để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn trả gốc bắt đầu từ năm 2017 và kết thúc năm 2024. Trả lãi mỗi năm một lần, kỳ trả lãi đầu tiên vào năm 2015. Thuế nhà thầu từ lãi tiền vay do bên cho vay chịu và được khấu trừ khi thanh toán lãi vay.
- (ix) Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (x) Nợ thuê tài chính thuê máy móc thiết bị.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (xi) Trái phiếu thường, mệnh giá 1.000.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và tài trợ hoạt động đầu tư. Tài sản đảm bảo là các khoản đầu tư vào cổ phiếu của một số công ty con với giá trị ghi sổ là 164.402.739.353 VND.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	192.498.740.241	10.853.215.580	167.722.047.500	13.923.477.161
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác	793.476.538.875	2.546.997.730	309.612.942.483	481.316.598.662
Nợ thuê tài chính	5.394.870.056	514.899.998	4.879.970.058	-
Trái phiếu thường	314.000.000.000	-	314.000.000.000	-
Cộng	1.305.370.149.171	13.915.113.308	796.214.960.041	495.240.075.823
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	497.530.501.241	120.651.577.163	376.878.924.078	-
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác	287.759.585.188	-	175.936.781.092	111.822.804.096
Nợ thuê tài chính	10.136.501.095	4.134.948.065	6.001.553.030	-
Trái phiếu thường	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Cộng	1.295.426.587.524	124.786.525.228	1.058.817.258.200	111.822.804.096

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn xem Phụ lục 2 đính kèm.

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.717.381.547
Số sử dụng	(1.542.284.054)
Giảm do thoái vốn	(1.017.381.547)
Số cuối kỳ	2.157.715.946

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.620.937.120	7.363.955.569	(4.720.306.582)	4.264.586.107
Quỹ phúc lợi	1.331.975.993	2.693.955.570	(1.137.662.182)	2.888.269.381
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	263.551.897	-	-	263.551.897
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	39.526.514	4.966.391.000	(4.636.000.000)	369.917.514
Cộng	3.255.991.524	15.024.302.139	(10.493.968.764)	7.786.324.899

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
Cộng	<u>733.505.810.000</u>	<u>733.505.810.000</u>

26c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.350.581	73.350.581
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu phổ thông	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu ưu đãi	73.350.581	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	69.250
- Cổ phiếu phổ thông	-	69.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.350.581	73.281.331
- Cổ phiếu phổ thông	73.350.581	73.281.331
- Cổ phiếu ưu đãi	73.350.581	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 9 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (16%/mệnh giá cổ phiếu)	: 117.360.929.600
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	: 24.830.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (6%)	: 9.930.000.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	: 4.966.391.000

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

27a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	7.210.882.431	11.684.237.064
Trên 01 năm đến 05 năm	1.669.830.000	3.335.668.899
Trên 05 năm	-	-
Cộng	<u>8.880.712.431</u>	<u>15.019.905.963</u>

Tập đoàn ký các hợp đồng thuê kho và nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động với thời hạn thuê từ 03 đến 05 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

27b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	673.925,51	3.743.631,76
Euro (EUR)	2,86	2,86
Yen Nhật (JPY)	101.877,00	101.877,00

27c. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn đã xóa sổ một số khoản nợ không có khả năng thu hồi với số tiền là 11.992.136.828 VND (số đầu năm là 11.992.136.828 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	256.075.355.999	374.222.918.157
Doanh thu bán thành phẩm	1.172.687.523.827	1.421.063.243.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.490.068.219	48.624.234.412
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.845.217.554	12.934.801.301
Doanh thu khác	590.673.000	395.264.538
Cộng	1.522.688.838.599	1.857.240.461.671

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn dệt may Việt Nam với số tiền là 167.908.780 VND (cùng kỳ năm trước là 160.695.015 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	2.873.472
Hàng bán bị trả lại	50.456.775	380.090.895
Giảm giá hàng bán	-	195.737.505
Cộng	50.456.775	578.701.872

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	226.249.774.159	323.423.270.578
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.020.651.847.877	1.265.850.095.506
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.267.287.784	29.662.116.488
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	8.329.792.429	14.278.466.782
Giá vốn khác	449.842.598	237.805.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.185.957.600	(30.498.655)
Cộng	1.295.134.502.447	1.633.421.256.513

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	270.522.600	241.193.424
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	101.008.334	160.683.501
Lãi tiền cho vay	6.284.027.029	2.756.261.590
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.510.500.000	18.461.932.532
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.421.961.788	4.620.994.258
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.271.838.062	-
Lãi do thoái vốn	6.571.106.417	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.800.000	208.937.446
Doanh thu hoạt động tài chính khác	90.787.869	143.554.019
Cộng	39.523.552.099	26.593.556.770

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	58.984.636.897	64.265.038.103
Chi phí nhượng bán các khoản đầu tư	-	55.722.351
Chiết khấu thanh toán cho người mua	-	30.760.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.635.217.030	6.455.299.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.379.420	12.020.688.424
Lỗ do nhượng bán chứng khoán	-	3.601.773.720
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	340.239.134	(3.858.816.071)
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.351.252.975	231.672.834
Cộng	67.383.725.456	82.802.139.385

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.910.275.788	8.740.470.179
Chi phí vật liệu, bao bì	183.334.267	142.590.427
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.543.727	37.085.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.265.638	61.815.642
Chi phí vận chuyển	12.338.540.743	13.110.745.767
Các chi phí khác	23.731.875.715	22.608.356.074
Cộng	46.223.835.878	44.701.063.089

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.682.939.605	29.908.136.014
Chi phí vật liệu quản lý	2.049.717.591	2.523.313.405
Chi phí đồ dùng văn phòng	446.068.285	519.253.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.005.273.569	1.239.737.805
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	832.122.435	1.179.982.187
Thuế, phí và lệ phí	7.358.603.561	3.784.275.424
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	98.555.914	29.690.700
Các chi phí khác	29.470.543.762	36.695.525.462
Cộng	72.943.824.722	75.879.914.769

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	3.624.190.211	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.017.260.000	682.531.023
Thu nhập chuyển nhượng dự án	-	1.162.405.455
Thu nhập khác	386.263.963	968.262.315
Cộng	7.027.714.174	2.813.198.793

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	309.533.268
Chi phí nhượng bán dự án	-	1.707.202.236
Chi phí lợi thế thương mại	-	10.000.000.000
Phạt do vi phạm hợp đồng	22.340.000	40.622.000
Chi phí khác	20.142.883	243.104.433
Cộng	42.482.883	12.300.461.937

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	222.175.918.493	138.399.627.574
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.721.106.639)	(9.687.973.930)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	212.454.811.854	128.711.653.644
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	73.350.581	73.281.331
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.896	1.756

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ phải trả	90.898.280.151	106.754.597.331
Trả trước mua tài sản cố định	374.000.000	-
Chuyển trả trước người bán thành cho vay	65.000.000.000	-
Bán tài sản cố định bằng căn trừ công nợ	-	11.714.790.909
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	35.679.746.866
Giảm khoản cho vay bằng căn trừ công nợ	5.762.626.462	1.586.731.477

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	14.989.375.508	16.062.540.545
Trên 01 năm đến 05 năm	64.716.504.442	65.682.877.465
Trên 05 năm	32.998.500.000	50.954.000.000
Cộng	112.704.379.950	132.699.418.010

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.970.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.896.406.000 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần may Gia Phúc	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn dệt may Việt Nam như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuê văn phòng	1.282.323.000	1.282.323.000
Cổ tức phải trả	59.854.074.096	56.113.194.465
Lãi vay phải trả	354.972.222	293.854.167
Thuê đất	94.884.947	-
Tiền hỗ trợ chi hộ	-	93.109.091

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.7, V.17, V.18, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang...
- Lĩnh vực cho thuê nhà xưởng, dịch vụ giáo dục mầm non.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 04 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	859.531.892.571	1.059.059.041.406
Các nước khác	663.106.489.253	797.602.718.393
Cộng	1.522.638.381.824	1.856.661.759.799

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

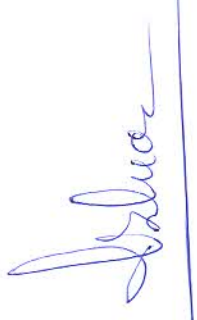
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	456.329.473.976	1.929.511.438.205	47.525.748.684	2.788.251.608	460.804.150	2.436.615.716.623	
Mua trong kỳ	-	1.726.346.925	523.616.000	-	-	2.249.962.925	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.496.544.394	8.385.327.825	1.069.598.956	56.362.129	-	19.007.833.304	
Phân loại lại	(247.901.767)	247.901.767	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.549.818.263)	(113.034.500)	-	-	(28.662.852.763)	
Giảm do thoái vốn	(11.312.851.073)	(28.861.218.848)	(729.655.819)	(469.081.442)	-	(41.372.807.182)	
Giảm khác	-	(18.040.001)	-	(8.995.200)	-	(27.035.201)	
Số đr cuối kỳ	454.265.265.530	1.882.441.937.610	48.276.273.321	2.366.537.095	460.804.150	2.387.810.817.706	
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.325.183.447	336.043.510.365	12.763.719.665	2.031.807.226	-	383.164.220.703	
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	180.796.437.634	1.200.112.319.903	29.071.200.959	2.772.005.894	440.174.878	1.413.192.139.267	
Khấu hao trong kỳ	9.956.032.936	56.695.018.985	2.254.794.588	300.391.516	5.448.000	69.211.686.025	
Phân loại lại	621.344.000	(1.202.864.860)	581.520.860	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.380.233.498)	(113.034.500)	-	-	(26.493.267.998)	
Giảm do thoái vốn	(353.020.888)	(2.250.280.934)	(273.620.916)	(469.081.442)	-	(3.346.004.180)	
Giảm khác	-	-	-	(293.141.001)	-	(293.141.001)	
Số đr cuối kỳ	191.020.793.682	1.226.973.959.596	31.520.860.991	2.310.174.967	445.622.878	1.452.271.412.113	
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	275.533.036.342	729.399.118.302	18.454.547.725	16.245.714	20.629.272	1.023.423.577.356	
Số cuối kỳ	263.244.471.848	655.467.978.014	16.755.412.330	56.362.128	15.181.272	935.539.405.593	

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý


Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng
Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm do thoái vốn	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.261.547.964.284	1.713.548.254.794	-	(342.246.116)	(1.874.066.587.124)	(65.670.820.348)	1.035.016.565.490	
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	47.500.000.000	-	-	-	(14.604.000.000)	-	32.896.000.000	
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.399.559.431	-	-	-	-	(5.399.559.431)	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	120.651.577.163	-	6.685.822.018	(75.127.007)	(116.409.056.594)	-	10.853.215.580	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	4.134.948.064	-	1.080.399.000	(26.940.137)	(2.126.509.199)	-	3.061.897.728	
Cộng	1.439.234.048.942	1.713.548.254.794	7.766.221.018	(444.313.260)	(2.007.206.152.917)	(71.070.379.779)	1.081.827.678.798	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Thanh toán bằng căn trừ công nợ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	376.881.514.074	85.970.473.737	(6.685.822.018)	(260.315.517)	(274.260.325.611)	-	181.645.524.665
Vay dài hạn các tổ chức khác	126.573.598.080	505.288.027.336	-	(662.252.605)	-	-	631.199.372.811
Vay dài hạn các cá nhân	161.185.987.108	16.113.207.683	-	-	(11.806.399.999)	(5.762.626.462)	159.730.168.330
Nợ thuê tài chính	5.998.963.034	-	(1.080.399.000)	(38.593.977)	-	-	4.879.970.057
Trái phiếu thường	500.000.000.000	-	-	-	(186.000.000.000)	-	314.000.000.000
Cộng	1.170.640.062.296	607.371.708.756	(7.766.221.018)	(961.162.099)	(472.066.725.610)	(5.762.626.462)	1.291.455.035.863

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016



(Handwritten signature)

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu
 Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	733.505.810.000	35.460.836.001	(692.500.000)	281.264.016.245	-	298.874.469.438	119.891.752.441	1.468.304.384.125	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	138.399.627.574	454.506.729	138.854.134.303	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(110.025.871.500)	(9.061.327.000)	(119.087.198.500)	
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	7.949.000.000	499.942.846	(20.318.568.849)	(1.044.491.237)	(12.914.117.240)	
Điều chỉnh giảm do chuyển khoản đầu tư từ liên kết sang đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-	(77.338.650.122)	-	(77.338.650.122)	
Tăng vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	16.300.000.000	16.300.000.000	
Giảm do mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(392.467.626)	-1.540.730.408	(1.540.730.408)	
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	229.198.538.915	(4.146.525.363)	(4.538.992.989)	
Số dư cuối kỳ trước	733.505.810.000	35.460.836.001	(692.500.000)	289.213.016.245	499.942.846	229.198.538.915	120.853.185.162	1.408.038.829.169	
Số dư đầu năm nay	733.505.810.000	35.748.305.345	(692.500.000)	288.919.072.835	381.828.119	279.535.547.106	112.931.755.476	1.450.329.818.881	
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	692.500.000	-	-	-	-	692.500.000	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	222.175.918.493	(643.613.286)	221.532.305.207	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(117.360.929.600)	(14.217.000.000)	(131.577.929.600)	
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	24.830.000.000	-	(40.144.302.139)	-	(15.314.302.139)	
Anh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong kỳ	-	(438.894.120)	-	(4.760.143.494)	-	(3.172.826.550)	38.780.292.652	30.408.428.488	
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	10.970.090.387	(5.486.906.969)	5.483.183.418	
Số dư cuối kỳ này	733.505.810.000	35.309.411.225	-	308.988.929.341	381.828.119	352.003.497.697	131.364.527.873	1.561.554.004.255	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016



(Signature)

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng

(Signature)

Bùi Đại Thu
Phó Tổng Giám đốc

(Signature)

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	256.075.355.999	1.172.637.067.052	93.925.958.773		1.522.638.381.824
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.075.355.999	1.172.637.067.052	93.925.958.773		1.522.638.381.824
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.825.581.840	148.799.261.575	48.879.035.962		227.503.879.377
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(119.167.660.600)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					108.336.218.777
Doanh thu hoạt động tài chính					39.523.552.099
Chi phí tài chính					(67.383.725.456)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	135.575.284.548	(719.831.663)		134.855.452.885
Thu nhập khác					7.027.714.174
Chi phí khác					(42.482.883)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(738.205.572)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(46.218.818)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					221.532.305.207
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	140.099.691.153	20.642.000	-	140.120.333.153
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	75.943.805.848	241.266.846	-	76.185.072.694
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	98.555.914	-	-	98.555.914

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	373.797.970.711	1.420.909.488.837	61.954.300.251	-	1.856.661.759.799
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	373.797.970.711	1.420.909.488.837	61.954.300.251	-	1.856.661.759.799
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(198.051.450.352)	403.485.543.816	17.775.911.167	-	223.210.004.631
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(120.550.479.203)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					102.659.525.428
Doanh thu hoạt động tài chính					26.593.556.770
Chi phí tài chính					(82.802.139.385)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		107.613.679.031			107.613.679.031
Thu nhập khác					2.813.198.793
Chi phí khác					(12.300.461.937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.774.955.693)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					51.731.296
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					138.854.134.302
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	42.331.377.067	32.676.828.255	-	75.008.205.322
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	75.554.244.203	2.927.467.938	-	78.481.712.141
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	496.972.250.675	1.480.652.568.617	703.801.564.844	-	2.681.426.384.136
Tài sản phân bổ cho bộ phận	10.767.172.987	14.888.447.109	1.659.302.333	-	27.314.922.429
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.650.934.332.499
Tổng tài sản					4.359.675.639.064
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	296.058.483.788	498.820.423.756	43.729.921.534	-	838.608.829.078
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	465.422.878.314	1.012.154.680.978	379.360.669.025	-	1.856.938.228.318
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					102.574.577.413
Tổng nợ phải trả					2.798.121.634.809
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	342.152.941.219	2.264.304.455.732	306.604.468.206	-	2.913.061.865.157
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9.000.569.290	13.539.527.743	1.348.645.949	-	23.888.742.982
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.650.882.832.543
Tổng tài sản					4.587.833.440.682
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	289.583.495.617	518.898.345.849	16.942.781.901	-	825.424.623.367
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	399.618.495.620	1.314.688.340.344	470.336.962.633	-	2.184.643.798.597
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					127.435.199.837
Tổng nợ phải trả					3.137.503.621.801

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2016



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu